

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 92/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Bà **Lê Thị C**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Khu 8, xã N, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Ông **Vũ Quốc T (Vũ Văn T)**, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Khu 8, xã N, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Người có quyền lợi liên quan: Chị **Vũ Thị H**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Khu 2, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 5 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 5 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Bà **Lê Thị C** và ông **Vũ Quốc T (Vũ Văn T)**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Bà C và ông T đều xác nhận ông bà đã có với nhau 02 con chung là: **Vũ Thị H**, sinh ngày 29/6/1992 và **Vũ Quốc Đ**, sinh ngày 16/3/1995. Hai con chung đều đã trưởng thành nên ông bà không yêu cầu giải quyết về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung:

Bà **Lê Thị C** được quyền sử dụng 01 thửa đất số 430 tờ bản đồ 38 (diện tích 150 m²) địa chỉ: Khu 3, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ, được UBND huyện Thanh Ba cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 735191 ngày 20/7/2010 cho chủ sử dụng đất: Bà **Lê Thị C** và ông **Vũ Văn T**. (Hiện nay không có tài sản gì gắn liền với đất).

Ông T được quyền sử dụng, sở hữu những tài sản sau:

+ Quyền sử dụng 04 thửa đất gồm:

Thửa số 56-1 tờ bản đồ số 2 (diện tích 374 m²), thửa số 32-2 tờ bản đồ số 2 (diện tích 648 m²), thửa số 48-2 tờ bản đồ số 1 (diện tích 140 m²), thửa số 52 tờ bản đồ số 1 (diện tích 142 m²), địa chỉ: Khu 8, xã N, huyện T, tỉnh Phú Thọ, được UBND huyện Thanh Ba cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 229960 ngày 10/11/1999 cho

chủ sử dụng đất: Hộ ông: Vũ Văn T. Đồng thời, ông T được quyền sở hữu, thu hoạch toàn bộ tài sản trên các thửa đất là các cây lúa, hoa màu ngắn ngày.

+ Quyền sử dụng 01 thửa đất số 408 tờ bản đồ 32 (diện tích 160 m²) địa chỉ: Khu 4, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ, được UBND huyện Thanh Ba cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 133382 ngày 13/4/2012 cho chủ sử dụng đất: Bà Lê Thị C và ông Vũ Văn T. (Hiện nay không có tài sản gì gắn liền với đất);

+ Quyền sử dụng 01 thửa đất số 14 tờ bản đồ 51 (diện tích 905,1 m²) địa chỉ: Khu 2, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ, được UBND huyện Thanh Ba cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 276952 ngày 10/6/2015 cho chủ sử dụng đất: Bà Lê Thị C và ông Vũ Quốc T. Đồng thời ông T được quyền sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với đất gồm: 01 ngôi nhà mái bằng xây 1 tầng, xây liền với bếp và công trình phụ, cùng với hàng rào, cổng...

Ông T và bà C đang quản lý, sử dụng tất cả các thửa đất nêu trên.

Ông T có nghĩa vụ: Thanh toán cho bà C 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng). Xác nhận ông T đã thanh toán xong cho bà C toàn số tiền trên. Cụ thể: Ông T thanh toán cho bà C lần 1 vào ngày 25/4/2019 số tiền là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), lần 2 vào ngày 27/5/2019 số tiền là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

Chị Vũ Thị H được quyền sở hữu chiếc xe máy HONDA Future BKS 19K1-012.xx đứng tên bà Lê Thị C. (Hiện ông T đang quản lý, sử dụng).

Về nợ chung: Ông T và bà C đều xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà C nhận nộp tất cả án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*). Xác nhận bà C đã nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0001634 ngày 25 tháng 4 năm 2019. Hoàn trả cho bà C 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát ND huyện Thanh Ba;
- UBND xã N, H. Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục Thi hành án DS H. Thanh Ba;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Đình Xuân